TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 69/2018/DS-PT
Ngày: 21-03-2018
V/v tranh chấp về dân sự - quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Vĩnh

Ông Huỳnh Thanh Mỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Nguyễn Văn Phụng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 03 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 223/2017/TLPT-DS ngày 31 tháng 10 năm 2017 về "Tranh chấp về dân sự - quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2017/DS-ST ngày 19 tháng 09 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Tân H1 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 360/2017/QĐ-PT ngày 15 tháng 12 năm 2017, giữa:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1974;

Cư trú: Ấp Tuyết H2, xã Tân P1, huyện Tân H1, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Ông Trương Văn C1, sinh năm 1965;

Cư trú: Ấp Tuyết H2, xã Tân P1, huyện Tân H1, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Lê Thị C2, sinh năm 1936;

2. Nguyễn Văn H3 (P2), sinh năm 1951;

3. Nguyễn Thị T1, sinh năm 1957;

4. Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1967;

Cư trú: Ấp Hoàng V, xã Tân P1, huyện Tân H1, tỉnh Đồng Tháp;

5. Nguyễn Văn H4, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Ấp Bưng S1, xã tân Công S2, huyện Tam N1, tỉnh Đồng Tháp;

6. Nguyễn Thị T2, sinh năm 1977;

Cư trú: Ấp Tân T3, xã Tịnh T4, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp;

7. Lâm Thị K1, sinh năm 1940 (chết ngày 17/11/2017);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà K1:

7.1. Lê Thị N2, sinh năm 1959;

Địa chỉ: Ấp Cả C3, xã Tân T5, huyện Tân H1, tỉnh Đồng Tháp;

7.2. Lê Thị T6, sinh năm 1964;

Địa chỉ: ấp Tuyết H2, xã Tân P1, huyện Tân H1, tỉnh Đồng Tháp;

7.3. Lê Quang T7, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Trần Văn K2, Khu Phố 4, phường Tân Thuận Đ2, Quận 7, TP. HCM;

8. Lê Thị T6, sinh năm 1964;

9. Trương Minh B, sinh năm 1985;

10. Trương Minh T8, sinh năm 1983;

11. Trương Thị Ngọc G, sinh năm 1991;

Cùng cư trú: Ấp Tuyết H2, xã Tân P1, huyện Tân H1, Đồng Tháp;

- *Người kháng cáo*: Ông Nguyễn Văn M là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Mười trình bày:

Ông M có phần đất ruộng và đất đìa do cha ông M là Nguyễn Văn L (chết ngày 26–8–2014) để lại cho ông M, đất tọa lạc tại ấp Tuyết H2, xã Tân P1, huyện Tân H1. Trước khi chết cha ông M có cho ông M và em ông tên Nguyễn Thị T2 mỗi người một phần đất, một phần thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần còn lại thì chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Phần được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 27–5–2011 trên diện tích là 4.725m^2 tại thửa số 783, tờ bản đồ số 04, mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước, do ông M đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Và được cấp lại vào ngày 26–01–2015 tại thửa 349, tờ bản đồ số 01 diện tích 5.611,7m^2; tại thửa số 403 tờ bản đồ số 01 diện tích là 721,1m^2; riêng thửa 382 thì chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Phần đất của Nguyễn Thị T2 em của ông M được cấp ngày 15–9–2009 diện tích 4.000m^2 tại thửa 784 tờ bản đồ số 04, loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp Tuyết H2, xã Tân P1, huyện Tân H1, tỉnh Đồng Tháp.

Cặp ranh đất của ông M có phần đất của bà Lâm Thị K1 là mẹ vợ của ông Trương Văn C1. Năm 2011 bà K1 tặng, cho ông C1 phần đất trên và hiện ông C1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2014.

Ông M cho rằng phần đất lúa cặp ranh với đất bà K1 chuyển tặng, cho ông C1 trước đây có một cái thềm đìa và ông C1 đã ủi lấn hết diện tích thềm đìa ngang khoản 3m x dài khoản 57m, nhưng theo đo đạc thực tế thì diện tích là 185m^2.

Nay ông Nguyễn Văn M khởi kiện yêu cầu ông Trương Văn C1 phải trả lại diện tích đất thềm đìa mà ông C1 lấn của ông là 185m^2.

2. Bị đơn ông Trương Văn C1 trình bày:

Nguồn gốc đất là của mẹ vợ ông C1 tặng, cho ông vào năm 2011 và đã chuyển toàn bộ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C1 nên ông C1 được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp vào ngày 19–12–2013 tại thửa số 389 tờ bản đồ số 01 đất tọa lạc tại ấp Tuyết H2, xã Tân P1, huyện Tân H1, tỉnh Đồng Tháp.

Ông C1 cho rằng phần đất ông nhận từ mẹ ông chuyển cho ông đến nay ông không có lấn đất của ông M mà đất ông M thì ông M tự ủi, sang lấp thềm đìa không dính líu đến đất ông nên ông không thống nhất theo yêu cầu ông M.

Ngày 11–11–2016, ông Trương Văn C1 có đơn phản tố yêu cầu ông Nguyễn Văn M phải bồi thường danh dự, nhân phẩm cho ông với số tiền là 10.000.000đồng vì ông Nguyễn Văn M kiện không đúng sự thật làm mất uy tín ông. Nhưng quá trình giải quyết ông Trương Văn C1 rút lại yêu cầu phản tố, không yêu cầu ông Nguyễn Văn M bồi thường thiệt hại về danh dự, nhân phẩm mà sẽ khởi kiện sau nếu ông M xúc phạm ông.

3. Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên:

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M về việc yêu cầu ông Trương Văn C1 trả lại quyền sử dụng đất trên tổng diện tích là 185m^2 tại một phần thửa 389 tờ bản đồ số 01 đất do ông Trương Văn C1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 19–12–2013, đất tọa lạc tại ấp Tuyết H2, xã Tân P1, huyện Tân H2, tỉnh Đồng Tháp.

Về chi phí thẩm định, định giá: Buộc nguyên đơn ông Nguyễn Văn M phải chịu theo hợp đồng đã ký với cơ quan chuyên môn và ông đã nộp xong.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự;

4. Ngày 25/9/2017, ông Nguyễn Văn M kháng toàn bộ bản án sơ thẩm và đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết những vấn đề sau: yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn M, buộc ông Trương Văn C1 phải trả cho M diện tích đất lấn chiếm là 185m^2, thuộc thửa số 389, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp Tuyết H2, xã Tân P1, huyện Tân H1, tỉnh Đồng Tháp.

5. Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn M; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M đối với ông Trương Văn C1 nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp quyền sử dụng đất là phù hợp với quy định tại khoản 9 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Phần diện tích đất mà các bên đang có tranh chấp tọa lạc tại ấp Tuyết H2, xã Tân P1, huyện Tân H1 nên Tòa án huyện Tân H1 thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn M đối với bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án huyện Tân H1; ông M yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông: Buộc ông Trương Văn C1 trả lại cho ông phần đất thềm đìa mà ông C1 lấn chiếm có diện tích là 185m^2 thuộc một phần thửa 389, tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc tại ấp Tuyết H2, xã Tân P1, huyện Tân H1, tỉnh Đồng Tháp.

Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về nguồn gốc đất:

Phần đất mà ông M đang có tranh chấp với ông C1 được ông M xác định là của cha mẹ ông M để lại cho anh, em của ông M. Trong đó, ông M và em ông M là bà Nguyễn Thị T2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần còn lại thuộc thửa 382 thì chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cặp ranh với phần đất này là đất của bà Lâm Thị K1.

Bà Lâm Thị K1 là mẹ vợ của ông Trương Văn C1 có phần đất giáp ranh với đất của bên gia đình ông Nguyễn Văn M, bà K1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1994; đến năm 2011 thì bà K1 tặng, cho toàn bộ phần đất mà bà K1 đứng tên cho ông Trương Văn C1 được sử dụng. Do đó, ông C1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2013.

- Về diện tích đất:

Phần đất mà ông M đang có tranh chấp với ông C1 theo đo đạc thực tế có diện tích là 185m^2 thuộc một phần thửa 389, tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc tại ấp Tuyết H2, xã Tân P1, huyện Tân H1, tỉnh Đồng Tháp.

Căn cứ vào lời trình bày của ông M thì ông M xác định phần đất đang có tranh chấp là phần giáp ranh với đất bà K1 trước đây, thuộc một phần thửa 382 của bên ông M nhưng từ trước đến nay ông M chưa kê khai đăng ký nên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi ông M đi làm thủ tục đổi giấy cho phần đất đã được cấp quyền sử dụng đất và kê khai thêm phần đất thềm đìa này thì lúc này biết được phần thềm đìa bên ông C1 đã được cấp quyền sử dụng đất; nhưng ông M cho rằng là lối xóm với nhau nên về thỏa thuận chứ không có tranh chấp;

Căn cứ vào văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân huyện Tân H1 đã xác định, phần đất đang có tranh chấp thuộc một phần thửa 389, tờ bản đồ số 1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trương Văn C1.

Từ đó, cho thấy việc ông M xác định phần đất đang có tranh chấp thuộc quyền sử dụng đất của bên ông M là không có cơ sở.

- Về hiện trạng:

Ông M xác định do phần đất thuộc thửa 382 là phần đìa bào nên ông không kê khai đăng ký quyền sử dụng đất và cũng không có trực tiếp canh tác trên phần đất này. Còn phần đất tại thửa 389, tờ bản đồ số 01 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trương Văn C1 và hiện nay hộ ông C1 đang quản lý, sử dụng. Đồng thời, tại phiên tòa hôm nay, ông M cũng xác định về hiện trạng vào năm 2009, bên ông C1 ủi đất xuống phần thềm đìa lấn qua phần đất của ông M, bên ông có đến nói chuyện với bà K1 (mẹ vợ ông C1), lúc đó bà K1 có hứa trả nên bên ông M không có tranh chấp; nhưng sau đó bà K1 đã cho toàn bộ diện tích đất cho ông C1 nên ông C1 không đồng ý trả. Lời trình bày này của ông M cho thấy, về hiện trạng phần đất mà ông M cho là phần đất thềm đìa thì đều do bên ông C1 quản lý, sử dụng từ lâu; bên ông C1 cũng không thừa nhận có việc thỏa thuận trả lại phần đất như ông M trình bày.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm thành viên trong hộ ông M, cũng như trong hộ ông C1 đều thống nhất với ý kiến trình bày của người đại diện hộ, không có ý kiến và cũng không có yêu cầu gì.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M là có cơ sở; Và Hội đồng xét xử phúc thẩm cũng không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Về án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông M nên ông M phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

- Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 điều 203 Luật đất đai; Điều 48- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn M;

2. Giữ nguyên quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 24/2017/DS-ST ngày 19/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tân H1:

- Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M về việc yêu cầu ông Trương Văn C1 trả lại phần đất lấn chiếm có diện tích là 185m^2 tại một phần thửa 389 tờ bản đồ số 01 đất do ông Trương Văn C1 đứng tên quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại ấp Tuyết H2, xã Tân P1, huyện Tân H2, tỉnh Đồng Tháp.

- Về chi phí thẩm định, định giá: Buộc ông Nguyễn Văn M phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản theo hợp đồng đã ký với cơ quan chuyên môn (số tiền này ông M đã nộp và đã chi xong).

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn M phải chịu 370.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 171.000đ theo biên lai số 036210 ngày 09/6/2017 và số tiền 300.000đ theo biên lai số 03639 ngày 05/5/2017. Như vậy, ông M còn được nhận lại 101.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm;

3. Về án phí phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn M phải nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 03507 ngày 29/9/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân H1.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Phòng GĐ-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND H. Tân H1;
- Chi cục THADS H. Tân H1;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Võ Trinh